

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Lặng gió trước cơn giông?

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Nhìn lại diễn biến tuần qua

• Bối cảnh toàn cầu:

- **Mỹ:** Lạm phát tiếp tục hạ nhiệt trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ trong tháng 8 sẽ khó lòng thuyết phục Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) đưa ra các quyết định cắt lãi suất lớn và liên tục hơn trong năm 2024 khi các hoạt động kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng ở mức chấp nhận được.
- **Châu Âu:** Dữ liệu về lạm phát vẫn đang hỗ trợ cho quyết định hạ lãi suất trong thời gian tới. Dự kiến ECB sẽ duy trì nhịp điệu hiện tại và hướng đến một lần cắt lãi suất nữa vào tháng 12 sắp tới; dự kiến sẽ kéo dài đến khi lãi suất tiền gửi qua đêm (DFR) giảm về 2,25% vào cuối năm 2025.
- **Trung Quốc:** Bối cảnh chung tại thị trường Trung Quốc vẫn chưa được cải thiện đáng kể so với tháng trước với tiêu dùng nội địa tập trung chủ yếu vào các nhóm nhu yếu phẩm.

• Trong nước:

- **Tỷ giá USD/VND:** Tính đến ngày 13/09, tỷ giá niêm yết bán tại Vietcombank ghi nhận 24.730, tương ứng với mất giá tính từ đầu năm tiếp tục hạ nhiệt về 1,27% so với mức 2,5% vào cuối tháng 8.
- **Trái phiếu chính phủ:** Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 13.130 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 93% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 1,34x.

• Thị trường chứng khoán Việt Nam:

- VN-Index tiếp tục giảm hơn 22 điểm và đóng cửa tại 1.251,71 (-1,75% WoW) và đánh dấu tuần giảm điểm thứ 3 liên tiếp.
- Nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 1,32 nghìn tỷ đồng trong tuần qua và nâng mức mua ròng kể từ đầu năm về gần 64 nghìn tỷ đồng.
- Khối ngoại bán ròng 1,12 nghìn tỷ đồng. Nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước trở lại bán ròng 0,2 nghìn tỷ đồng.
- **Triển vọng:** VN-Index hiện đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.240 – 1.250 điểm. Tuy nhiên, lực cầu vẫn chưa thực sự mạnh mẽ với thanh khoản mất hút và trái ngược với phản ứng thường thấy tại các nhịp phục hồi khi thị trường tạo đáy. Vì thế, rủi ro điều chỉnh trong ngắn hạn vẫn tiếp tục hiện hữu và có thể khiến VN-Index tiếp tục kiểm định các vùng hỗ trợ thấp hơn tại 1.230 điểm.

Thông tin cần theo dõi trong tuần tới

- Quyết định lãi suất đến từ hàng loạt các Ngân hàng Trung ương đến từ Mỹ, Anh, Nhật và Trung Quốc.

① Bối cảnh toàn cầu

Bảng tin về bối cảnh vĩ mô toàn cầu	
	<div>TÍCH CỰC</div> <div>TIÊU CỰC</div>
Mỹ	<div><ul style="list-style-type: none">CPI tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 8 sau khi ghi nhận tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng chung tại 2,5% YoY (tháng 7: +2,9% YoY) trong khi CPI cơ bản giữ nguyên tại 3,2% YoY.<ul style="list-style-type: none">Phần lớn sự thay đổi đến từ việc giảm giá đối với các sản phẩm xăng dầu so với cùng kỳ năm trước; cụ thể, CPI đối với mặt hàng dầu khí giảm 4% YoY (tháng 7: +1,1% YoY) với CPI đối với các mặt hàng xăng dầu giảm mạnh lên đến hơn 10% YoY (tháng 7: -2,2% YoY). Mặt khác, CPI tổng thể gần như không có sự thay đổi so với tháng trước tại 3% YoY nếu loại bỏ các mặt hàng xăng dầu.Điều này phần nào đã được chúng tôi dự báo trong kỳ báo cáo chiến lược tháng 6 khi giá xăng dầu tại Mỹ cũng như giá dầu thô WTI chỉ thật sự bật tăng mạnh trong giai đoạn Q3/2023 nhưng đều đã hạ nhiệt dần trong Q3 năm nay (giá dầu thô WTI theo hợp đồng tương lai đã giảm gần 24% YoY), kéo theo mức tăng trưởng âm khi tính toán so sánh với cùng kỳ năm trước.Sụt giảm trong giá xăng dầu kể từ đầu Q3 đến nay đã kéo theo chỉ số PPI sụt giảm mạnh trong tháng 8 tại 1,7% YoY (tháng 7: +2,1% YoY).<ul style="list-style-type: none">Phần lớn tác động giảm tiếp tục đến từ chỉ số giá sản xuất đối với các mặt hàng dầu khí khi tăng trưởng âm -8,4% YoY (tháng 7: +0,5% YoY) trong khi các cấu phần còn lại của PPI như chi phí sản xuất của các nhóm hàng hóa không bao gồm thực phẩm và dầu khí hay Dịch Vụ và Xây Dựng đều gần như không có sự thay đổi đáng kể.</div> <div><p>Đánh giá: Lạm phát tiếp tục hạ nhiệt trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ trong tháng 8 sẽ khó lòng thuyết phục Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) đưa ra các quyết định cắt lãi suất lớn và liên tục hơn trong năm 2024 khi các hoạt động kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng ở mức chấp nhận được.</p></div>
Châu Âu	<div><ul style="list-style-type: none">Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) tiếp tục hạ lãi suất điều hành nhằm tích cực kích thích tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, lãi suất tiền gửi qua đêm (deposit facility rate - DFR) giảm 25 điểm cơ bản về 3,5% trong khi lãi suất tái cấp vốn (main refinancing rate) giảm 50 điểm cơ bản về 3,65%.Tỷ lệ thất nghiệp tại UK giảm từ 4,2% về 4,1% trong tháng 7, hòa nhịp cùng diễn biến chung đối với khu vực đồng Euro. Trước đó, tỷ lệ thất nghiệp đã được thu hẹp từ mức 4,4% trong tháng 5.Sản lượng công nghiệp tại khu vực đồng Euro (EA) giảm mạnh hơn dự kiến tại -0,3% MoM trong tháng 7 (tháng 6: +0% MoM).</div> <div><p>Đánh giá: Quyết định cắt lãi suất của ECB nhìn chung sẽ là liều thuốc giảm đau cần thiết nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế trong các tháng tiếp theo. Hiện tại, chúng tôi cho rằng các dữ liệu về lạm phát vẫn đang hỗ trợ cho quyết định hạ lãi suất trong thời gian tới với 25 điểm cơ bản vào tháng 6 vừa qua, 25 điểm cơ bản ở kỳ họp tháng 9 vào tuần trước thì có thể dự kiến ECB sẽ duy trì nhịp điệu hiện tại và hướng đến một lần cắt lãi suất nữa vào tháng 12 sắp tới; dự kiến sẽ kéo dài đến khi lãi suất tiền gửi qua đêm (DFR) giảm về 2,25% vào cuối năm 2025.</p></div>

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Bảng tin về bối cảnh vĩ mô toàn cầu

TÍCH CỰC

TIÊU CỰC

Trung Quốc

- **CPI tiếp tục tăng tốc trong tháng 8 và tăng 0,6% YoY (tháng 7: +0,5% YoY); phần lớn tác động đến từ giá lương thực thực phẩm tăng mạnh trong tháng 8** (CPI thực phẩm tăng 2,8% YoY trong tháng 8, tăng mạnh so với mức tăng 0% YoY trong tháng 7 và chuỗi giảm phát kéo dài 12 tháng trước đó) dưới ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt đến từ mưa lũ khiến 15 tỉnh tại Trung Quốc rơi vào tình trạng báo động khẩn cấp.
- **Xuất khẩu bất ngờ tăng tốc trong tháng 8 với tăng trưởng mạnh hơn dự kiến tại 8,7% YoY (tháng 7: 7% YoY);** đây cũng là mức tăng trưởng lớn nhất kể từ tháng 3/2023 trong bối cảnh các nhà sản xuất tại Trung Quốc cố gắng xả một lượng lớn hàng tồn kho sang các đối tác thương mại như US (xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng trưởng 4,9% YTD), EU (+13,4% YoY trong tháng 8) và Đông Nam Á (doanh số xuất khẩu tăng 8,8% YoY) nhằm bù đắp lại nhu cầu tiêu dùng đang suy yếu của thị trường nội địa.
 - Dù thế, triển vọng tăng trưởng GDP nhờ vào hoạt động xuất khẩu có thể sẽ gặp các khó khăn nhất định khi các đối tác thương mại lớn của TQ như Ấn Độ, Malaysia, EU, Canada và Hoa Kỳ đều đã và đang chuẩn bị các rào cản thương mại như nâng mức thuế quan nhập khẩu đối với các mặt hàng nhập khẩu từ TQ như thép, nhôm, xe điện (EV), vải, nhựa; hoặc các mặt hàng có khả năng được các nhà sản xuất TQ xuất khẩu sang các quốc gia thứ ba nhằm tái xuất khẩu và tránh né các biện pháp phòng vệ.
- **PPI ghi nhận mức tăng trưởng âm thấp nhất trong bốn tháng tại -1,8% YoY do sụt giảm giá đầu vào đối với giá nguyên liệu thô;** qua đó kéo dài chuỗi giảm phát đối với chi phí đầu vào lên đến 23 tháng. Trên cơ sở so sánh với tháng trước (MoM), tháng 8 đồng thời ghi nhận mức tăng trưởng âm lớn nhất kể từ tháng 6/2023 tại -0,7% MoM.
- **Nhập khẩu tăng trưởng 0,5% YoY trong tháng 8 (tháng 7: +7,2% YoY).** Nhìn chung, tăng trưởng nhập khẩu kể từ đầu năm đã giảm tốc về 2,5% YTD, so với 2,8% trong tháng 7, trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng nội địa tiếp tục suy yếu khi 1/3 lượng hàng nhập khẩu liên quan đến các linh kiện dùng trong các thiết bị điện tử được dùng cho hoạt động tạm nhập tái xuất khẩu.
- **Giá nhà bình quân tại Trung Quốc vẫn chưa có dấu hiệu chạm đáy khi tiếp tục giảm 5,3% YoY trong tháng 8 (tháng 7: -4,9% YoY).** Trong đó, diễn biến giảm giá bất động sản dần mở rộng từ các thành phố bậc 3 (Tier 3) lên đến các trung tâm đô thị bậc 1 (Tier 1) như như Bắc Kinh và Thượng Hải. Cụ thể, giá nhà ở bình quân tại đô thị bậc 1 giảm 4% YoY (tháng 7: +7,5% YoY) và 8% MoM (tháng 7: +2,9% MoM) trong tháng 8.
- **Sản lượng công nghiệp giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 3/2024** khi tăng trưởng trong tháng 8 chỉ đạt 4,5% YoY trong bối cảnh các hoạt động sản xuất tiếp tục chậm đi ở bốn tháng gần nhất do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt ở mùa hè năm nay. Trong đó, sản lượng giảm mạnh nhất đối với hoạt động sản xuất nói chung cũng như hoạt động khai thác khoáng sản.
- **Doanh số bán lẻ hạ nhiệt với tăng trưởng 2,1% YoY trong tháng 8** sau khi bùng nổ với mức tăng trưởng 2,7% trong tháng 7. Trong đó, doanh số sụt giảm lớn được ghi nhận đối với các mặt hàng như mỹ phẩm, quần áo, trang sức, xe hơi và xăng dầu; ở chiều ngược lại, doanh số tăng mạnh đối với thực phẩm, điện thoại và các thiết bị dụng.
- **Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục gia tăng từ 5,2% lên 5,3%.**
- **Dòng vốn FDI vào Trung Quốc tính từ đầu năm 2024 tiếp tục sụt giảm,** ghi nhận tăng trưởng -31,5% YoY trong tháng 8 (tháng 7: -29,6% YoY).

Dánh giá: Bối cảnh chung tại thị trường Trung Quốc vẫn chưa được cải thiện đáng kể so với tháng trước với lạm phát tăng tốc ở các tháng gần nhất kết hợp với doanh số bán lẻ bùng nổ trong tháng 7 và tháng 8 tập trung chủ yếu vào các nhóm nhu yếu phẩm trong khi chống chịu trước thời tiết khắc nghiệt của hạn hán và mưa lũ kéo dài. Điều này cũng đồng thời phản ánh sức mua tiêu dùng của thị trường nội địa không thực sự mạnh mẽ khi người tiêu dùng đang vô tình trở nên “nghèo” đi do giá bất động sản vẫn chưa tìm thấy đáy và điều này dẫn đến thắt chặt chi tiêu đối với các mặt hàng không thiết yếu. Mặt khác, động lực tăng trưởng đến từ việc xuất khẩu ồ ạt sang các đối tác thương mại có khả năng sẽ đối diện với các biện pháp phòng vệ như nâng thuế nhập khẩu.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Các sự kiện quốc tế cần theo dõi trong tuần tới				
Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
17/9/2024				
4:00 PM	EA	Chỉ Số Cảm Tính Kinh Tế của ZEW (Tháng 9)	17.9	46.0
	DE	Chỉ Số Cảm Tính Kinh Tế của ZEW Đức (Tháng 9)	19.2	22.0
7:30 PM	CA	CPI (YoY) (Tháng 8)	2.5%	2.4%
	CA	CPI cơ bản (YoY) (Tháng 8)	1.7%	1.7%
	US	Doanh Số Bán Lẻ (MoM) (Tháng 8)	1.0%	-0.3%
	US	Doanh Số Bán Lẻ không bao gồm ô tô (MoM) (Tháng 8)	0.4%	0.1%
8:15 PM	US	Sản Lượng Công Nghiệp (MoM) (Tháng 8)	-0.6%	0.2%
18/9/2024				
6:50 AM	JP	Số Đơn Đặt Hàng Máy Móc (MoM) (Tháng 7)	2.1%	0.7%
	JP	Số Đơn Đặt Hàng Máy Móc (YoY) (Tháng 7)	-1.7%	-1.0%
1:00 PM	GB	CPI (YoY) (Tháng 8)	2.2%	
	GB	CPI cơ bản (YoY) (Tháng 8)	3.3%	
	GB	CPI (MoM) (Tháng 8)	-0.2%	
4:00 PM	EA	CPI (YoY) (Tháng 8)	2.6%	2.2%
19/9/2024				
1:00 AM	US	Quyết Định Lãi Suất của Fed	5.50%	5.25%
	US	Dự Báo Kinh Tế của FOMC		
1:30 AM	US	Họp Báo FOMC		
6:00 PM	GB	Quyết Định Lãi Suất của BoE	5.0%	5.0%
	GB	Biên Bản Họp của MPC		
7:30 PM	US	Đề Nghị Trợ Cấp Thất Nghiệp Lần Đầu		
20/9/2024				
6:01 AM	GB	Niềm Tin Tiêu Dùng của Gfk (Tháng 9)	-13	-13
6:30 AM	JP	CPI (YoY) (Tháng 8)	2.8%	3.0%
	JP	CPI cơ bản (YoY) (Tháng 8)	2.70%	2.80%
8:15 AM	CN	Lãi Suất Cho Vay Cơ Bản của PBoC kỳ hạn 1 năm (LPR)	3.35%	3.35%
	CN	Lãi Suất Cho Vay Cơ Bản của PBoC kỳ hạn 5 năm (LPR) (Tháng 9)	3.85%	3.85%
11:00 AM	JP	Quyết Định Lãi Suất của BoJ	0.25%	0.25%
1:00 PM	DE	PPI của Đức (YoY) (Tháng 8)	-0.8%	
	GB	Doanh Số Bán Lẻ (MoM) (Tháng 8)	0.5%	
	GB	Doanh Số Bán Lẻ không bao gồm Xăng dầu (MoM) (Tháng 8)	0.7%	
	GB	Doanh Số Bán Lẻ (YoY) (Tháng 8)	1.4%	
9:00 PM	EA	Niềm Tin Tiêu Dùng (Tháng 9)	-13.5	-13.5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics, Forex Factory và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

Vĩ mô toàn cầu – Các thông tin cần theo dõi

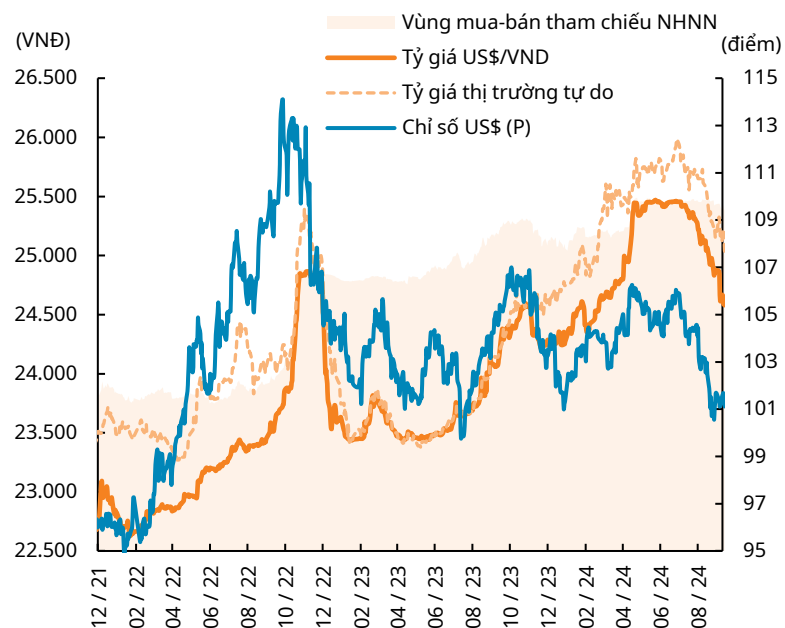
- Quyết định lãi suất đến từ hàng loạt các Ngân hàng Trung ương
 - Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed): Kỳ vọng chung cho thấy Fed sẽ hạ 25 điểm cơ bản đối với FFR và dự kiến buổi họp báo của FOMC cùng bài phát biểu của Chủ tịch Jerome Powell sẽ tiếp tục đưa ra các thông tin quan trọng rằng liệu Fed sẽ tiếp tục hạ lãi suất ở những kỳ họp cuối cùng của năm 2024. Hiện mức kỳ vọng 25 điểm cơ bản được xem là phù hợp với dự phóng của Fed đối với lãi suất trong năm 2024; tuy nhiên, điều này đồng nghĩa với việc một đợt cắt lãi suất có quy mô lớn hơn, tiêu biểu như 50 điểm cơ bản, sẽ có khả năng làm thị trường trở nên hoang mang rằng Fed đang chậm chân trước diễn biến thực tế về lạm phát và thị trường lao động và cần phải hành động quyết liệt hơn.
 - Ngân hàng Trung ương tại Vương quốc Anh (BoE), Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) và Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đều được kỳ vọng sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành trong kỳ họp tiếp theo khi bối cảnh chung vẫn chưa có sự thay đổi đáng kể.
 - Tuy nhiên, chúng tôi dành sự quan tâm nhất định đối với báo cáo về chính sách tiền tệ được công bố bởi BoJ sau quyết định lãi suất cũng như theo dõi phát biểu của Thống đốc Kazuo Ueda để đánh giá về giọng điệu cũng như khả năng rằng BoJ sẽ có thêm một đợt nâng lãi suất tiếp theo trong năm 2024 khi lạm phát tại Nhật Bản vẫn đang tiếp tục tăng tốc ở tháng 7 và có thể sẽ kéo dài sang tháng 8.
- Bối cảnh lạm phát tại Canada (CA), Vương quốc Anh / UK (GB), khu vực đồng Euro (EA), Đức (DE), và Nhật Bản (JP).
- Sức khỏe tiêu dùng thông qua doanh số bán lẻ tại Hoa Kỳ (US) và UK.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Tỷ giá USD/VND tiếp tục hạ nhiệt trong bối cảnh nguồn ngoại tệ đang trở lại Việt Nam

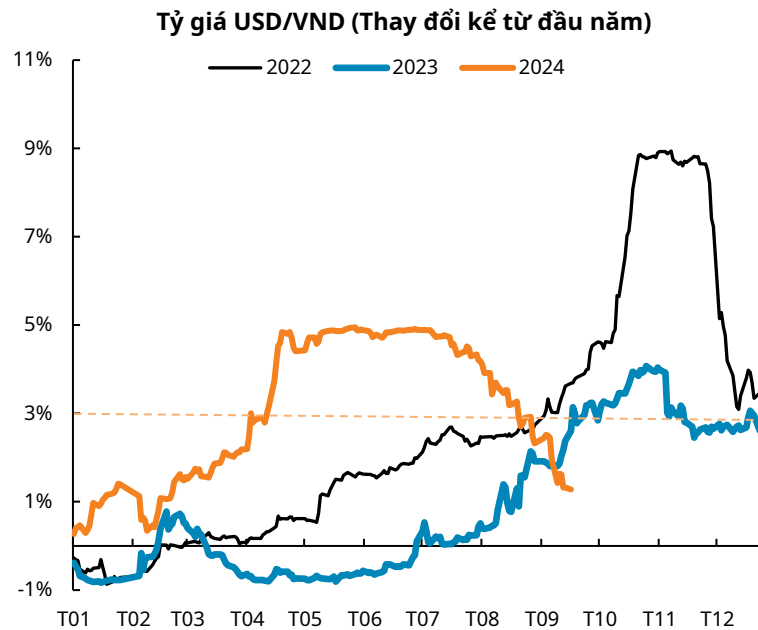
- Kể từ khi **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)** ngừng phát hành tín phiếu (Repo) thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) vào ngày 23/08, lượng thanh khoản được bơm vào hệ thống liên ngân hàng thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) cũng dần trở nên giảm sút. Cụ thể, NHNN chỉ phát hành lượng tín phiếu đạt khoảng 8,8 nghìn tỷ đồng thông qua RRP trong tuần trước với lãi suất 4,25% và kỳ hạn 7 ngày.
- Tính đến ngày 13/09, tỷ giá niêm yết bán tại Vietcombank ghi nhận 24.730, tương ứng với mất giá tính từ đầu năm tiếp tục hạ nhiệt về 1,27% so với mức 2,5% vào cuối tháng 8.
 - Nhìn chung, thị trường ngoại tệ đang dần trở nên lạc quan hơn với nguồn ngoại tệ đang chảy ngược vào lại thị trường Việt Nam trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) dự kiến sẽ bắt đầu hạ lãi suất trong kỳ họp tiếp theo vào tuần sau (18/09). Qua đó, áp lực tỷ giá sẽ không còn là khó khăn đối với Việt Nam trong các tháng còn lại của năm 2024 nhưng dự địa dành cho Việt Nam trong việc hạ lãi suất trong cả thị trường 1 lần thị trường 2 vẫn còn là một ẩn số cần phải theo dõi khi các nhà đầu tư vẫn đang có phần quá lạc quan về lộ trình cắt lãi suất của Fed trong năm 2024 cũng như trong năm 2025. Cụ thể, dự phóng của FOMC ở tháng 6 đối với lãi suất FFR trong năm 2026 và nhìn về dài hạn hiện chỉ dừng ở mức từ 2,8% đến 3,1% trong khi thị trường đang kỳ vọng Fed sẽ giảm đến 125 điểm cơ bản (1,25%) trong năm 2024 từ mức lãi suất hiện tại là 5% - 5,25% và giảm thêm 150 điểm cơ bản trong năm 2025, theo thông tin đến từ CME FedWatch.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



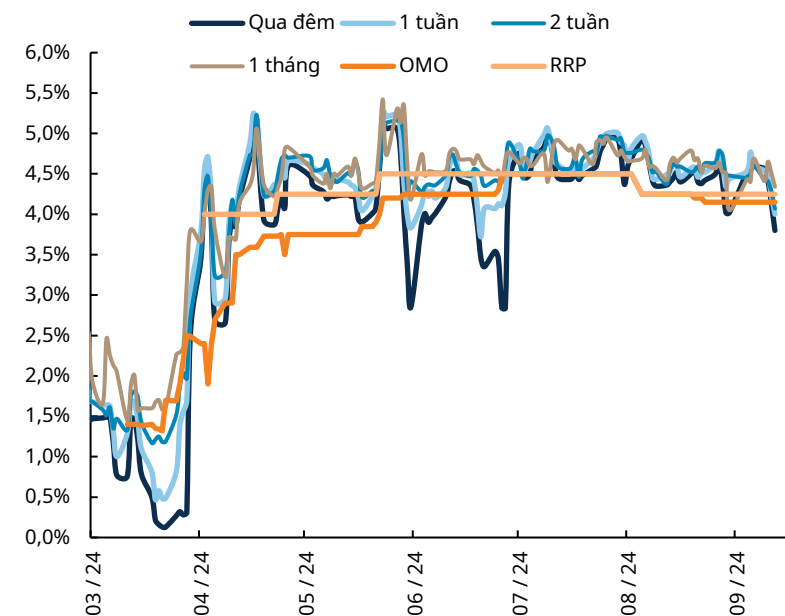
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 13/09/2024

Tỷ giá hạ nhiệt khi tiệm cận đến điểm đảo chiều chính sách



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/09/2024

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm về dưới vùng 4,25%



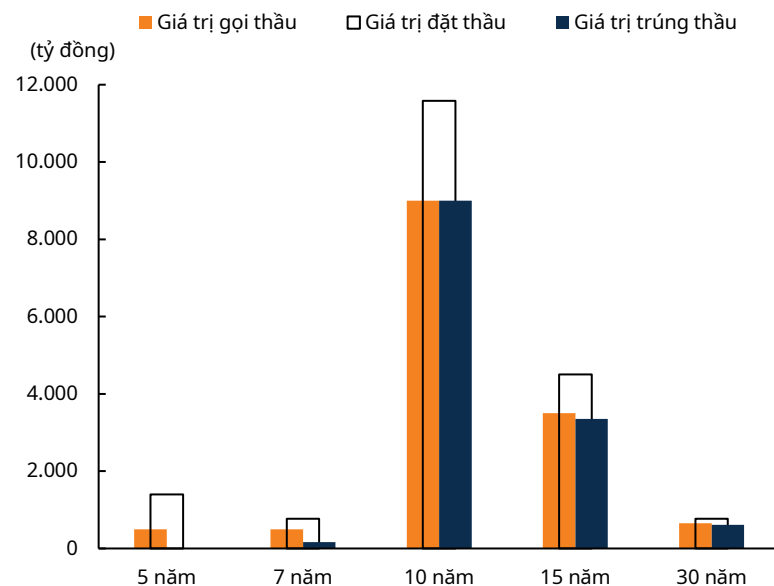
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 12/09/2024

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

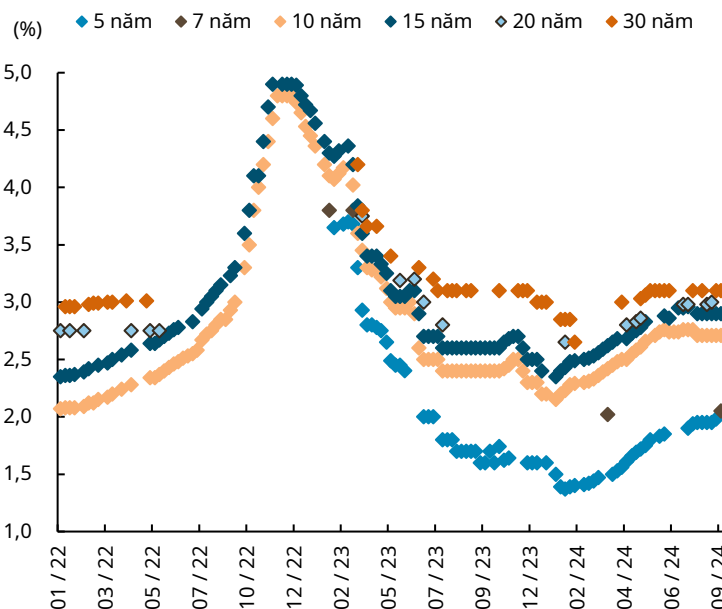
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong ngày 11/09, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 13.130 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 93% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 1,34x. Kết quả đấu thầu như sau: 7 năm (165 tỷ đồng), 10 năm (9.000 tỷ đồng), 15 năm (3.350 tỷ đồng), 30 năm (615 tỷ đồng).
 - Tính đến ngày 11/09, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 253,4 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt gần 63% kế hoạch của năm 2024.
 - Trong buổi đấu thầu vừa qua, lợi suất trúng thầu gần như không thay đổi so với buổi đấu thầu trước đó ngoại trừ trái phiếu kỳ hạn 7 năm tăng nhẹ 3 bps. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 7 năm (2,05%), 10 năm (2,71%), 15 năm (2,9%), 30 năm (3,1%).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tiếp tục giảm nhẹ đối với các kỳ hạn từ 5 năm đến 20 năm. Cụ thể,** kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (1,863%, không đổi); 2 năm (1,879%, không đổi); 5 năm (1,954%, -0,4 bps); 7 năm (2,210%, -1,7 bps); 10 năm (2,7%, -1,6 bps); 15 năm (2,889%, -1,4 bps); 20 năm (3%, -1,7 bps); 30 năm (3,181%, không đổi).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



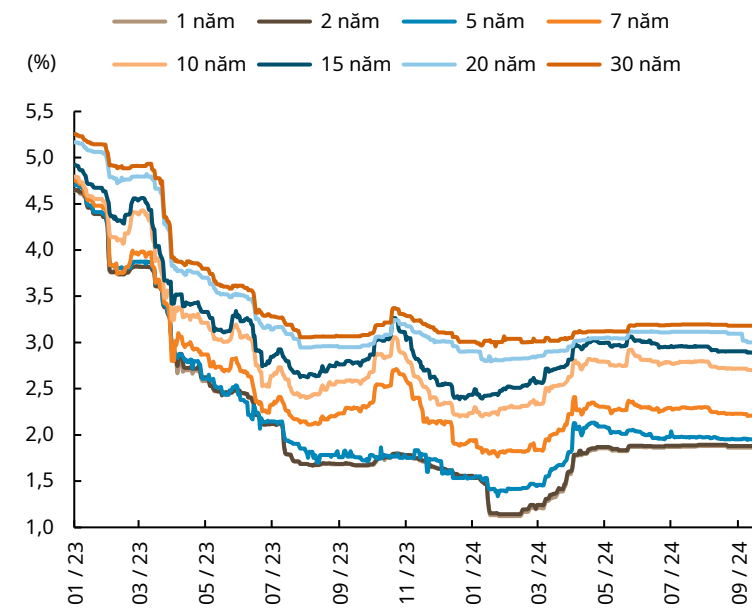
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 11/09/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 11/09/2024

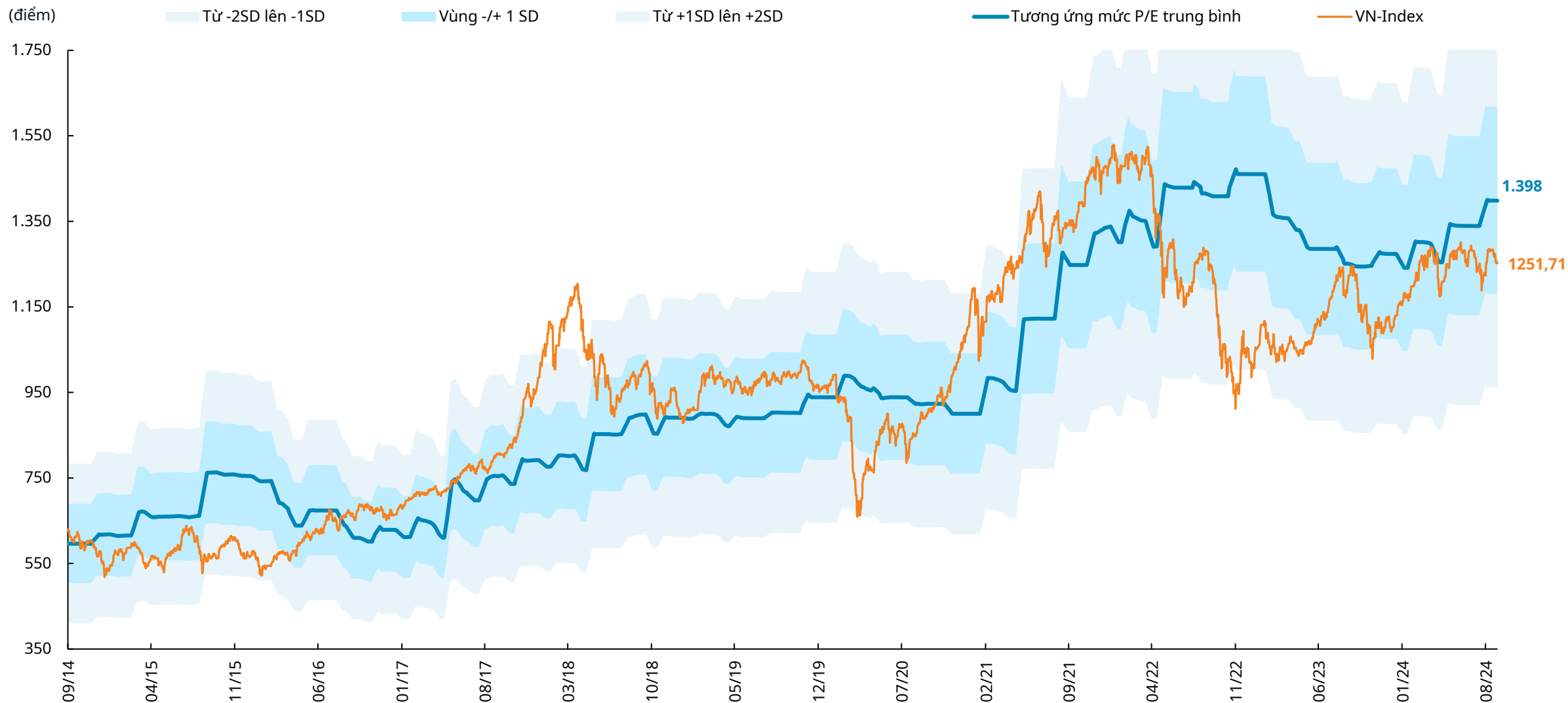
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 13/09/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index dựa trên P/E 12 tháng gần nhất

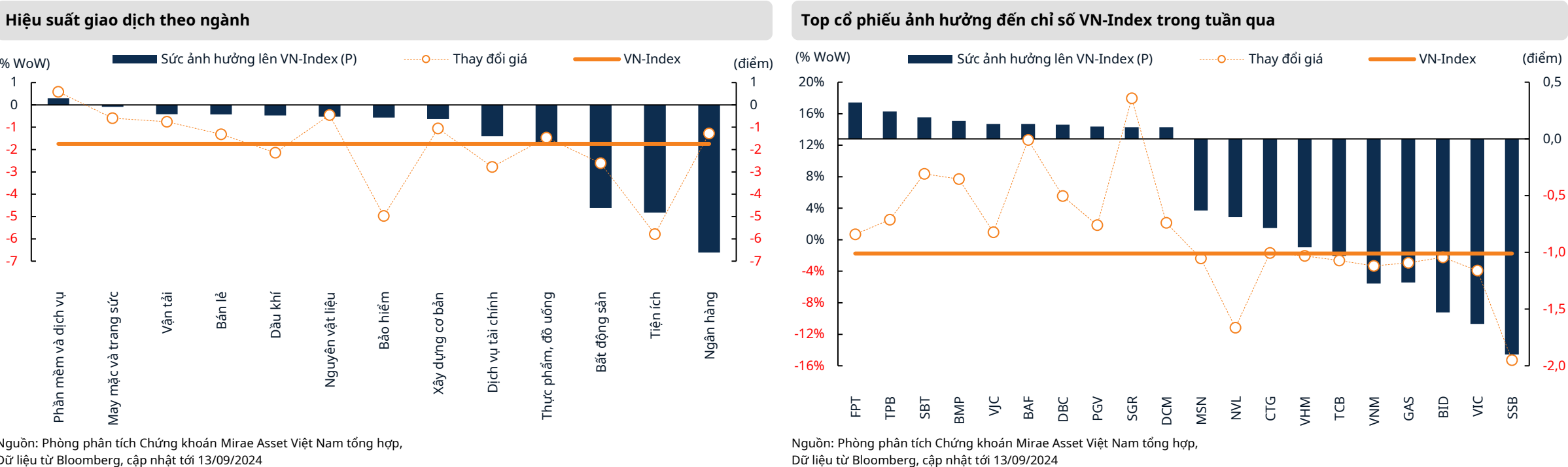


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/09/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Dòng tiền trở nên thận trọng trước quyết định lãi suất đến từ Fed

- Trong tuần qua, VN-Index tiếp tục giảm hơn 22 điểm và đóng cửa tại 1.251,71 (-1,75% WoW) và đánh dấu tuần giảm điểm thứ 3 liên tiếp.
- Tâm lý thận trọng tiếp tục tạo sức ép khiến sắc đỏ bao phủ tại hầu hết các nhóm ngành như Ngân hàng (đóng góp gần 1/3 áp lực giảm điểm đối với VN-Index), theo sau là Tiện ích, Bất động sản và F&B.
- Ở chiều ngược lại, nhóm ngành IT vươn lên với sự phục hồi của cổ phiếu FPT đã phần nào cản chân đà giảm điểm chung diện rộng trong bối cảnh nhóm cổ phiếu công nghệ trên toàn cầu hay đơn cử tại thị trường Mỹ cũng đang dần trở nên lạc quan hơn với chỉ số Nasdaq tăng mạnh và hướng về đỉnh cũ cùng với sự trở lại của cổ phiếu NVIDIA trong tuần qua.
- Triển vọng đối với tuần giao dịch tiếp theo:
 - VN-Index hiện đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.240 – 1.250 điểm mà chúng tôi đã kỳ vọng trong kỳ báo cáo chiến lược tháng 9.
 - Tuy nhiên, lực cầu vẫn chưa thực sự mạnh mẽ với thanh khoản mất hút và trái ngược với phản ứng thường thấy tại các nhịp phục hồi khi thị trường tạo đáy. Vì thế, rủi ro điều chỉnh trong ngắn hạn vẫn tiếp tục hiện hữu trong bối cảnh diễn biến phân hóa giữa các nhóm ngành ngày càng trở nên sắc nét với động lực tăng điểm chính xoay quanh nhóm Ngân hàng (dù nhìn chung góc nhìn kỹ thuật cho thấy hành động giá tại một số cổ phiếu vốn hóa lớn như BID, TCB, STB và SSB đều có sự suy yếu nhất định) và qua đó khiến VN-Index có thể sẽ tiếp tục kiểm định các vùng hỗ trợ thấp hơn tại 1.230 điểm.

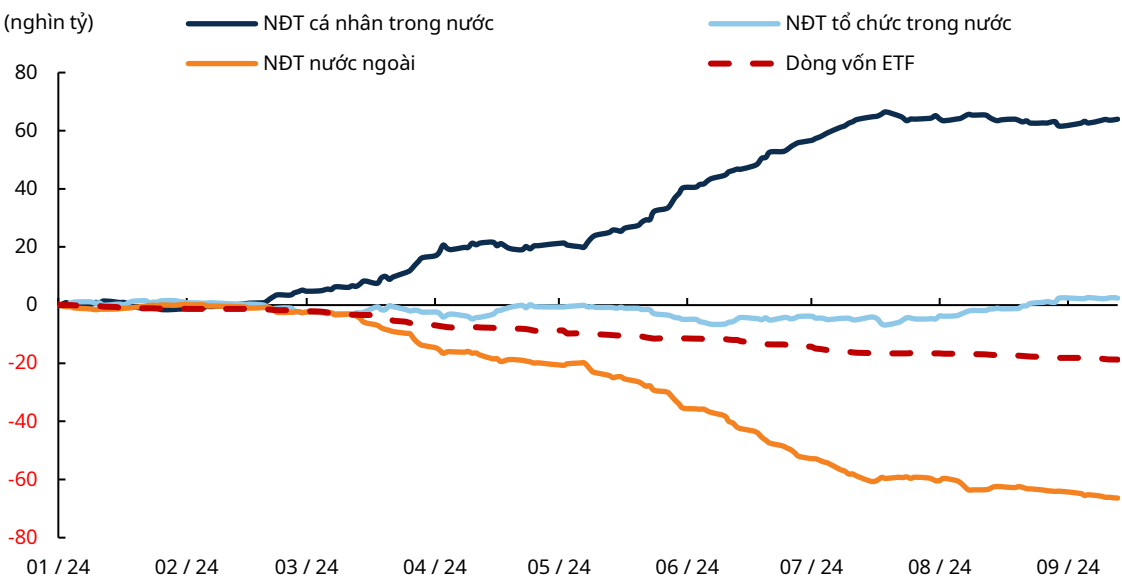


③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Bên mua thận trọng
Bên bán chán chừ

- **Diễn biến giao dịch của tuần qua tiếp tục ảm đạm khi thanh khoản trở nên mất hút sau phiên ngày 10/09.** Giá trị giao dịch bình quân tại sàn HOSE chỉ đạt hơn 10,7 nghìn tỷ trong tuần qua (-20% WoW), riêng hai ngày thứ 5 (12/09) và thứ 6 (13/09) chỉ ghi nhận giá trị khớp lệnh chỉ hơn 9 nghìn tỷ đồng - mức thấp nhất kể từ cuối năm 2023 khi thị trường thận trọng trước vùng đáy mới thiết lập vào tháng 11.
- Điểm sáng của tuần qua có lẽ đến từ việc tâm lý giao dịch của **nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước đã phần nào ổn định hơn sau khi ngắt mạch bán ròng 3 tuần liên tiếp và kéo theo đà mua ròng ở 2 tuần gần nhất**; cụ thể, nhóm này đã mua ròng nhẹ 1,32 nghìn tỷ đồng trong tuần qua và nâng mức mua ròng kể từ đầu năm về gần 64 nghìn tỷ đồng.
- Ở chiều ngược lại, **nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước kết thúc chuỗi mua ròng 7 tuần liên tiếp sau khi bán ròng tương đối khiêm tốn chỉ 0,2 nghìn tỷ đồng trong tuần qua**; đồng thời giảm mức mua ròng kể từ đầu năm về 2,41 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, khối ngoại ghi nhận tuần bán ròng thứ 4 liên tiếp dù áp lực bán ròng nhìn chung là không đáng kể khi so sánh với diễn biến của tháng 5 và tháng 6 năm nay; cụ thể nhóm này đã bán ròng 1,12 nghìn tỷ trong tuần qua (YTD ghi nhận bán ròng 66,4 nghìn tỷ đồng).
- Ở một khía cạnh khác, **các quỹ ETF tiếp tục rút ròng khoảng 383 tỷ đồng trong tuần qua, nâng mức rút ròng kể từ đầu năm lên khoảng 18,7 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 13/09.** Phần lớn lượng rút ròng này được ghi nhận từ Fubon FTSE (-210 tỷ đồng) và VanEck Vietnam (-109 tỷ đồng) và hoàn toàn áp đảo lượng mua ròng khoảng 25,9 tỷ đồng đến từ quỹ KIM Growth VN30.

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2024 theo nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 13/09/2024

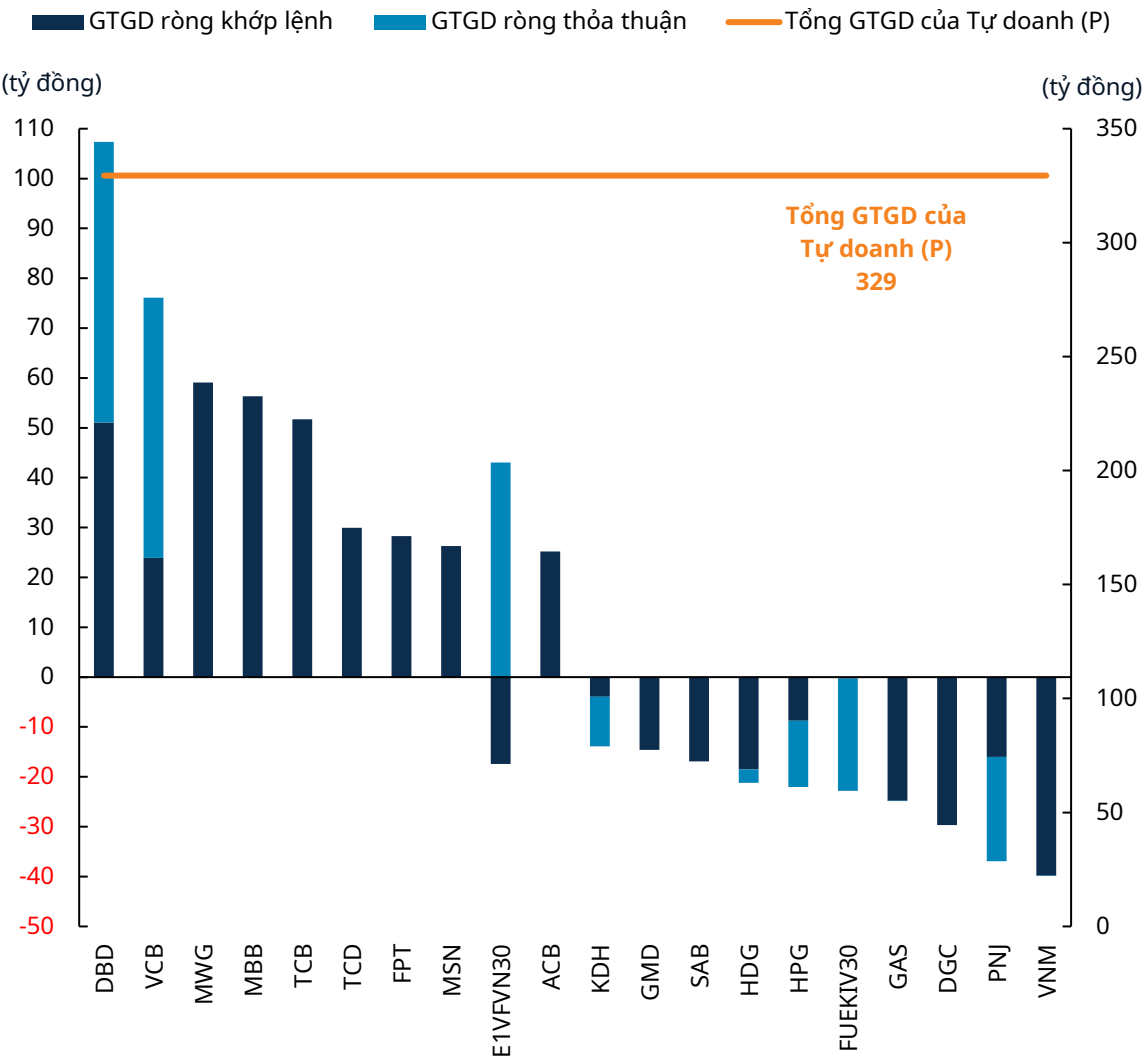
Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành ở 12 tuần gần nhất

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	23/8/2024	30/8/2024	6/9/2024	13/9/2024	
VN-Index				8%	-20%
Bất động sản				62%	-19%
Bảo hiểm				46%	38%
Dịch vụ tài chính				23%	-17%
Tiện ích				23%	4%
Thực phẩm, đồ uống				23%	0%
Phần mềm và dịch vụ				15%	-35%
May mặc và trang sức				8%	-35%
Bán lẻ				8%	-25%
Ngân hàng				8%	-24%
Nguyên vật liệu				8%	-18%
Xây dựng cơ bản				8%	-24%
Vận tải				8%	-30%
Dầu khí				8%	-38%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

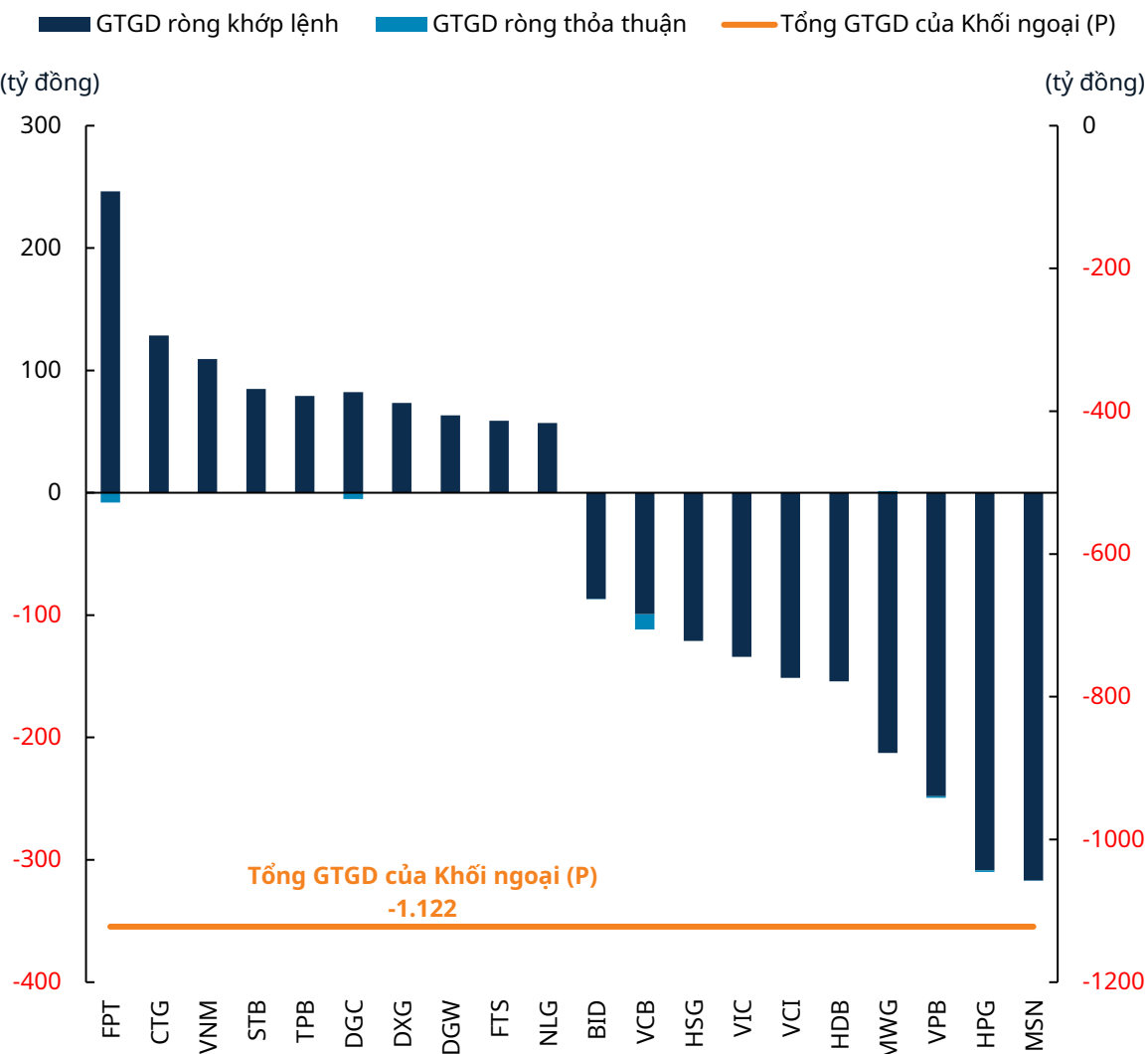
③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 13/09/2024

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 13/09/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.141.258	1.251,71	1.305,02	1.037,46	-0,37	-1,75	1,73	1,1	15,0	1,7	12,3	17,03	23,66
VN30 Index		3.600.634	1.294,30	1.338,59	1.050,32	-0,26	-1,60	2,02	3,7	11,9	1,6	14,6	20,44	15,10
VN70 Index		998.729	1.871,01	2.031,02	1.490,69	0,21	-1,43	1,84	3,8	16,6	1,6	10,0	14,41	33,91
VNFinLead Index		2.126.750	1.987,00	2.141,28	1.702,58	-0,10	-1,51	2,19	0,0	8,3	1,3	15,2	19,53	10,18
Ngân hàng	VCB	502.459	89.900	98.200	80.300	0,45	-0,33	0,45	0,90	15,1	2,8	20,0	23,4	6,7
	BID	274.761	48.200	56.700	35.096	-0,31	-2,23	3,32	15,57	12,1	2,1	19,1	17,2	12,8
	CTG	187.413	34.900	37.150	24.834	-0,29	-1,69	9,58	19,81	9,3	1,4	16,0	26,6	3,4
	TCB	156.399	22.200	25.000	14.550	-0,45	-2,63	5,71	26,86	7,3	1,1	16,6	20,9	1,6
	VPB	146.381	18.450	22.650	17.800	-0,27	0,00	1,65	-17,82	12,2	1,1	9,8	25,5	4,5
	MBB	126.821	23.900	25.700	17.150	-0,42	-0,42	1,27	25,46	5,9	1,3	23,4	23,2	0,0
	ACB	108.986	24.400	26.261	18.435	-0,20	-0,81	3,39	24,43	6,6	1,5	23,9	30,0	0,0
	LPB	77.879	30.450	33.000	13.600	-0,81	-1,93	5,73	86,81	9,2	2,0	26,1	0,5	4,5
	HDB	76.891	26.400	27.700	16.850	0,76	-1,31	1,73	51,29	6,3	1,5	27,0	18,9	1,1
	STB	56.179	29.800	33.150	26.150	0,34	-0,33	2,23	-6,73	6,9	1,1	18,0	23,4	6,6
	VIB	53.624	18.000	21.368	14.957	-0,83	-0,55	2,48	0,29	7,0	1,4	21,4	20,4	-15,4
	SSB	43.234	15.250	23.769	15.200	1,33	-15,28	-18,67	-36,19	9,3	1,3	15,2	0,1	4,9
	TPB	39.960	18.150	20.100	15.900	0,00	2,54	5,22	-5,71	8,4	1,1	14,2	29,1	0,9
	SHB	37.723	10.300	12.500	10.050	-0,48	-0,48	-1,90	-16,60	4,7	0,7	15,4	2,8	27,2
	EIB	31.945	18.350	21.780	16.250	0,00	-0,54	-2,13	-14,75	14,4	1,4	9,9	2,6	27,4
	MSB	29.640	11.400	12.385	9.308	0,44	0,00	2,56	1,51	6,3	0,9	14,9	29,6	0,4
	OCB	28.110	11.400	13.333	10.125	0,00	-1,72	-5,66	-6,73	9,6	0,9	10,2	21,1	0,9
Dịch vụ tài chính	SSI	48.745	32.300	39.100	28.300	0,16	-3,29	1,89	-9,78	17,1	2,0	12,2	41,3	58,7
	VND	21.769	14.300	21.653	14.250	0,00	-5,92	-2,72	-33,56	8,2	1,1	15,0	12,9	87,1
	HCM	20.556	29.200	30.650	18.339	1,21	-0,34	12,31	18,74	20,3	1,9	10,6	45,5	3,6
	VCI	19.187	33.400	42.308	26.154	0,00	-4,57	-5,20	-11,93	24,4	2,2	9,6	19,2	80,8
	VIX	16.264	11.300	14.131	8.598	0,44	-4,24	-0,44	-15,24	16,8	1,2	7,7	4,8	95,2
	FTS	13.460	44.000	48.000	25.000	2,33	1,62	8,24	36,28	23,9	3,5	15,2	30,1	69,9
	SHS	12.035	14.800	20.900	14.000	0,68	-5,13	-3,90	-27,09	11,1	1,1	10,5	8,4	40,6
	EVF	8.169	11.600	19.500	11.050	1,31	-2,93	0,43	-7,21	16,2	0,9	6,2	2,1	12,9
Bảo hiểm	BVH	31.734	42.750	47.400	38.200	-0,23	-4,58	-0,12	-6,15	17,0	1,4	8,6	26,5	22,5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	159.906	25.000	29.950	20.773	-0,40	-1,57	-1,57	-3,17	14,3	1,5	10,8	22,6	26,4
	GVR	138.400	34.600	38.200	18.200	0,14	0,29	4,53	55,16	49,2	2,7	5,6	0,5	12,5
	DGC	43.105	113.500	134.000	81.100	0,00	-0,44	4,13	25,00	15,3	3,3	23,1	18,0	31,0
	DCM	20.197	38.150	40.050	27.550	0,93	2,14	4,66	11,71	15,1	2,1	12,9	7,6	41,4
	DPM	13.892	35.500	40.000	30.550	0,85	-1,25	-0,84	-9,55	21,3	1,2	5,4	8,8	40,2
	HSG	12.289	19.950	25.600	16.250	-0,99	0,00	-3,39	-9,32	10,8	1,1	10,6	11,9	37,1
	PHR	7.845	57.900	65.900	43.600	-0,17	1,40	4,14	17,56	19,2	2,1	11,4	18,0	31,0
	NKG	5.529	21.000	27.150	17.150	-0,94	0,72	0,96	-4,76	13,5	1,0	7,4	11,8	38,2
	AAA	3.735	9.770	12.350	7.900	0,93	-1,31	-6,95	-7,39	8,1	0,7	8,3	2,1	97,9
	DHC	2.986	37.100	47.400	36.850	0,00	0,27	-2,37	-20,64	12,3	1,6	13,0	39,3	10,7
Bất động sản	VHM	187.238	43.000	50.500	34.600	-0,23	-2,05	18,29	-17,47	8,0	1,0	13,1	13,8	36,2
	VIC	164.035	42.900	56.300	38.700	0,00	-3,92	5,41	-27,53	43,4	1,2	3,0	10,3	37,7
	BCM	73.382	70.900	74.000	50.700	-0,70	-1,53	-0,42	-0,14	29,4	3,9	14,8	2,0	32,0
	VRE	43.856	19.300	29.150	17.350	1,58	-3,98	10,60	-33,45	9,8	1,1	11,9	21,8	27,2
	KDH	33.875	37.250	39.000	27.200	0,27	-1,46	4,05	16,08	52,4	2,2	4,4	37,8	12,2
	NVL	22.524	11.550	19.250	10.900	1,32	-11,15	2,67	-42,11	11,3	0,6	5,3	4,4	44,7
	KBC	19.267	25.100	36.350	24.600	-1,18	-5,28	-0,40	-27,35	72,7	1,1	1,5	20,5	28,5
	PDR	18.773	21.500	29.724	16.950	1,65	-0,46	18,46	-9,34	34,6	1,7	5,0	6,5	43,5
	VPI	16.524	56.900	58.300	42.250	-0,18	-0,87	-0,52	32,33	90,3	4,3	4,9	1,8	47,2
	NLG	16.064	41.750	45.850	31.000	2,08	1,58	8,87	10,16	40,1	1,7	4,4	49,5	0,5
	SIP	15.474	73.500	86.000	43.913	0,41	-0,94	0,41	26,72	15,3	3,9	28,2	2,5	46,5
	DXG	11.027	15.300	20.974	12.550	4,79	-0,97	13,75	-25,88	59,9	1,0	1,7	16,5	33,5
	KOS	8.648	39.950	40.300	36.250	0,13	0,38	1,14	2,17	364,5	3,7	1,0	0,3	48,7
	CEO	8.268	15.300	26.190	13.500	1,32	-4,97	7,75	-43,43	51,2	1,4	3,5	4,8	44,2
	SJS	7.745	68.000	77.000	54.100	0,29	-2,86	7,09	16,24	36,5	2,8	7,9	0,7	49,3
	SZC	6.398	35.550	45.000	27.749	0,42	-2,07	-1,25	10,18	22,1	2,2	11,6	2,7	17,4
	HHV	5.122	11.850	15.965	10.400	0,85	-3,66	4,87	-23,20	13,1	0,6	4,5	8,0	41,0
	HDC	4.335	27.950	33.853	26.600	1,08	-0,71	2,76	-19,11	31,6	1,9	6,4	2,6	46,4
	ASM	3.339	9.020	12.136	7.355	0,11	-0,22	1,35	-9,39	17,3	0,6	3,6	12,5	36,5
	AGG	2.643	16.900	27.600	15.840	1,20	-2,31	0,30	-39,12	8,3	0,9	11,6	1,1	48,9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	REE	30.946	65.700	72.000	46.087	0,00	0,15	-3,10	19,17	17,3	1,7	10,5	49,0	0,0
	IDC	19.272	58.400	64.300	43.100	0,17	-0,51	-2,67	21,16	10,5	4,1	38,0	24,5	24,5
	VGC	18.853	42.050	60.900	39.650	1,69	-1,41	1,33	-17,87	23,7	2,3	10,0	4,0	45,0
	GEX	17.704	20.600	25.300	18.700	-0,96	-2,60	-2,83	-20,46	16,6	1,3	8,3	8,0	42,0
	HUT	14.816	16.600	25.800	16.000	0,61	-2,35	-2,35	-38,06	215,4	1,7	1,0	1,5	48,5
	CTR	14.298	125.000	162.000	72.600	0,48	0,40	3,31	52,44	27,3	7,6	29,6	9,4	39,6
	DIG	13.417	22.000	33.950	19.050	1,38	-2,00	-1,79	-22,54	352,0	1,8	0,5	4,1	44,9
	TCH	11.894	17.800	21.650	10.550	2,30	-2,47	7,23	30,88	15,3	1,3	8,8	5,7	45,3
	VCG	10.835	18.100	25.179	17.250	0,56	-4,74	-2,16	-29,61	13,4	1,4	11,3	9,6	39,4
	HDG	9.283	27.600	32.000	22.455	-0,36	-4,00	3,76	-4,83	15,2	1,5	10,5	15,2	34,9
	BMP	9.160	111.900	120.300	80.400	2,66	7,70	15,72	22,30	9,8	3,5	34,6	83,4	16,6
	PC1	8.910	28.650	31.950	22.174	-1,21	1,78	1,60	6,97	26,2	1,7	6,6	14,0	36,1
	CTD	6.156	61.600	78.100	47.200	-1,12	-1,60	0,49	22,95	20,7	0,7	3,6	46,7	2,3
	BCG	5.633	6.400	10.773	6.280	0,79	-2,14	-0,31	-42,06	62,7	0,6	0,9	1,1	48,9
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	152.358	72.900	81.200	63.300	-2,41	-3,32	-1,22	-7,84	17,6	4,4	25,6	51,8	48,2
	MSN	106.726	74.200	81.000	57.200	-1,20	-2,37	-0,80	-7,37	156,5	3,2	2,3	28,2	20,8
	SAB	71.952	56.100	86.000	52.000	1,26	-1,06	3,31	-32,73	17,1	3,0	17,6	60,7	39,3
	KDC	15.881	54.800	62.624	54.000	0,00	-0,54	-0,54	-8,59	N/A	2,3	-6,1	22,0	28,0
	VHC	15.689	69.900	80.000	55.750	-0,57	-0,71	1,30	6,18	19,9	1,9	9,1	29,7	70,3
	HAG	11.050	10.450	15.050	7.700	0,00	1,95	0,00	19,16	5,7	1,4	27,3	2,2	46,8
	SBT	10.071	13.600	16.500	10.700	1,49	8,37	6,67	-16,82	16,7	1,0	6,3	22,0	78,0
	DBC	9.856	29.450	32.304	16.518	0,68	5,56	6,32	37,48	34,9	1,7	5,0	12,2	36,8
	PAN	4.919	23.550	25.700	16.950	0,21	3,97	5,13	5,37	10,2	1,0	10,3	18,4	30,6
Tiện ích	GAS	174.061	74.300	89.902	72.059	-9,35	-9,89	-7,01	-13,88	15,4	2,5	16,1	1,9	47,1
	POW	29.976	12.800	15.300	10.450	-0,78	-2,29	-4,48	-1,16	28,6	0,9	3,3	4,0	45,0
	BWE	10.139	46.100	46.700	35.088	-0,11	2,90	9,89	11,82	19,1	2,0	11,2	12,3	36,7
	NT2	5.671	19.700	27.600	18.900	-1,01	-0,76	1,55	-33,22	122,7	1,4	1,0	13,3	35,7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Dầu khí	PLX	58.193	45.800	51.700	32.200	0,88	-2,45	-6,24	13,65	15,9	2,3	14,7	18,1	1,9
	PVS	19.310	40.400	47.300	34.300	-0,74	-0,25	2,80	8,60	17,8	1,5	8,4	22,5	26,5
	PVD	14.453	26.000	34.300	24.850	-1,52	-2,26	-2,80	-1,89	27,5	1,0	4,4	14,3	34,8
	PVT	9.986	28.050	32.000	21.227	0,18	-0,71	0,18	18,22	10,3	1,4	14,8	13,1	35,9
May mặc và trang sức	PNJ	33.389	99.800	109.600	72.600	0,40	0,20	2,46	19,81	16,3	3,1	20,6	49,0	0,0
	PTB	4.164	62.200	76.500	53.900	0,00	-2,81	-3,57	10,09	12,7	1,5	11,9	25,0	0,1
Bán lẻ	MWG	98.241	67.200	70.200	37.000	-0,44	-1,18	0,75	16,87	44,6	3,8	8,9	46,9	2,1
	FRT	24.387	179.000	188.000	83.900	0,06	-1,86	2,29	112,09	N/A	14,6	-3,3	36,8	12,2
	DGW	10.055	46.300	53.769	35.269	-0,68	-2,92	2,02	-1,97	26,7	3,6	14,1	25,8	23,2
Phần mềm và dịch vụ	FPT	194.240	133.000	139.700	75.043	0,53	0,68	2,54	56,07	27,2	7,1	27,6	45,9	3,1
	CMG	9.729	51.100	74.600	34.865	0,59	-1,35	-0,78	29,49	28,9	3,6	12,8	42,8	7,2
Vận tải	VJC	56.761	104.800	119.400	94.000	-0,47	0,96	1,95	5,86	61,3	3,4	5,9	13,3	16,7
	GMD	23.970	77.200	86.500	58.400	-0,39	-1,03	-1,78	17,68	19,7	2,5	13,3	48,6	0,4
	SCS	7.743	81.600	95.000	63.000	0,62	0,00	-2,86	17,07	13,0	6,0	47,4	24,2	5,8
	CII	4.782	15.000	23.700	14.100	0,33	-1,96	3,09	-37,50	12,7	0,8	6,0	5,7	34,3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nằm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul) One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea Tel: 82-2-3774-2124	Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong Tel: 852-2845-6332	Mirae Asset Securities (UK) Ltd. 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom Tel: 44-20-7982-8000
Mirae Asset Securities (USA) Inc. 810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA Tel: 1-212-407-1000	Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc. 555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA Tel: 1-213-262-3807	Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil Tel: 55-11-2789-2100
PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia District 8, Treasury Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54 Jakarta Selatan 12190 Indonesia Tel: 62-21-5088-7000	Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd. 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore Tel: 65-6671-9845	Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia Tel: 976-7011-0806	Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd 2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699	Beijing Representative Office 2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
Shanghai Representative Office 38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China Tel: 86-21-5013-6392	Ho Chi Minh Representative Office 7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3910-7715	Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098 India Tel: 91-22-62661336